

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT

**Về thực trạng và nhu cầu xây dựng, hoàn thiện Nghị định quy định quản lý
dữ liệu giáo dục và đào tạo**

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

1. Giới thiệu

Nhằm thu thập thông tin và đánh giá toàn diện về thực trạng quản lý dữ liệu trong giáo dục và đào tạo, cũng như xác định nhu cầu xây dựng một hành lang pháp lý thống nhất, một cuộc khảo sát đã được thực hiện. Đối tượng khảo sát bao gồm các nhà quản lý giáo dục, chuyên gia công nghệ thông tin, và các cán bộ hoạch định chính sách tại các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ sở giáo dục và đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo;

Báo cáo này tổng hợp các kết quả chính từ cuộc khảo sát, phản ánh những khó khăn, thách thức trong thực tiễn và những kỳ vọng, đề xuất đối với việc ban hành Nghị định quy định quản lý dữ liệu về giáo dục và đào tạo.

2. Bối cảnh thực hiện khảo sát

Việc khảo sát được tiến hành trong bối cảnh ngành giáo dục đang đứng trước yêu cầu cấp bách về chuyển đổi số và hoàn thiện thể chế theo các chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước

2.1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã nêu rõ: *“Xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia; từng bước hình thành các trung tâm dữ liệu vùng và địa phương kết nối đồng bộ, thống nhất với Trung tâm dữ liệu quốc gia.”*

Bên cạnh đó, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 cũng đã chỉ ra mục tiêu phát triển đến năm 2030: *“Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số, hình thành sàn giao dịch dữ liệu.”*

Để thực hiện mục tiêu xây dựng hạ tầng dữ liệu quốc gia nêu trên, ngành giáo dục bắt buộc phải có một khuôn khổ pháp lý riêng nhằm thiết lập, vận hành, kết nối và bảo vệ hệ thống dữ liệu giáo dục trên phạm vi toàn quốc. Việc ban hành Nghị định là điều kiện cần thiết để hình thành Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục

và đào tạo theo hướng thống nhất, đồng bộ, gắn với Trung tâm dữ liệu quốc gia và các nền tảng số dùng chung.

Ngành giáo dục là một trong những lĩnh vực có quy mô dữ liệu lớn, đa dạng, liên quan mật thiết đến dân cư, lao động, đào tạo, an sinh xã hội... Tuy nhiên, đến nay chưa có văn bản pháp lý điều chỉnh toàn diện việc quản lý, chia sẻ, khai thác dữ liệu trong ngành. Việc ban hành Nghị định là cần thiết để cụ thể hóa yêu cầu “kết nối, chia sẻ đồng bộ CSDL ngành” và “khai thác tài nguyên số” trong lĩnh vực giáo dục, tránh tình trạng phân tán, trùng lặp hoặc rủi ro khi sử dụng dữ liệu giáo dục thiếu kiểm soát.

Việc xây dựng Nghị định quy định quản lý dữ liệu giáo dục và đào tạo có cơ sở pháp lý vững chắc, xuất phát từ các quy định cụ thể trong pháp luật hiện hành và các văn bản chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Các văn bản này xác lập rõ trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc tổ chức thu thập, chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ và sử dụng dữ liệu giáo dục, đồng thời yêu cầu ban hành các quy định pháp lý để triển khai trên thực tế.

Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 02/02/2024 theo Quyết định số 142/QĐ-TTg đã có nêu các nhiệm vụ:

“Tổ chức thực hiện việc số hóa dữ liệu để xây dựng hệ thống học liệu số, chương trình đào tạo, sách giáo khoa số. Xây dựng các nền tảng tra cứu học liệu số dùng chung cho tất cả các cấp học. Xây dựng mới hoặc kết hợp với đề án hệ tri thức Việt số hóa để làm giàu hệ tri thức phổ thông.”

“Tổ chức thực hiện việc số hóa và quản lý thống nhất hệ thống văn bằng, chứng chỉ, chương trình đào tạo gắn với từng sinh viên, học viên, làm cơ sở tham chiếu, sử dụng trong các hoạt động xã hội.”

“Cập nhật, hoàn thiện dữ liệu ngành giáo dục, đào tạo, bao gồm: cơ sở giáo dục và đào tạo các cấp; các chuyên ngành đào tạo, chương trình đào tạo, hồ sơ giáo viên, sinh viên, học sinh; chuẩn hóa học bạ điện tử cho tất cả các cấp học, ngành học; tạo dựng các bộ dữ liệu mở và chia sẻ cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham khảo, nghiên cứu, sử dụng.”

“Kết nối, liên thông dữ liệu ngành giáo dục, đào tạo với dữ liệu trong lĩnh vực lao động, việc làm và dữ liệu bảo hiểm xã hội để xác định được nhu cầu nhân lực đào tạo, làm cơ sở hỗ trợ công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đào tạo trong ngành giáo dục.”

Đồng thời, Quyết định số 142/QĐ-TTg cũng xác định nhiệm vụ cho các bộ ngành nói chung, và Bộ GD&ĐT nói riêng, phải xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành, có khả năng kết nối với hệ thống dữ liệu quốc gia: *“Phát triển các cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành các bộ, ngành cùng với cơ sở dữ liệu quốc gia liên thông kết nối chia sẻ phục vụ việc cung cấp các dịch vụ công.”*

Ngày 30 tháng 11 năm 2024, Luật Dữ liệu đã được Quốc hội thông qua, trong đó chỉ rõ trách nhiệm của các Bộ như sau: *“Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu; phối hợp với Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước về dữ liệu.”*

Các văn bản pháp luật nêu trên đã đặt nền móng pháp lý rõ ràng cho việc hình thành hệ thống dữ liệu giáo dục toàn ngành, xác lập các nguyên tắc kết nối, chia sẻ và bảo vệ dữ liệu cá nhân, công nhận giá trị pháp lý của hồ sơ điện tử và quy định trách nhiệm quản lý dữ liệu theo ngành, lĩnh vực. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa có một văn bản dưới luật nào điều chỉnh toàn diện hoạt động quản lý dữ liệu trong lĩnh vực giáo dục.

Vì vậy, việc ban hành Nghị định quy định về quản lý dữ liệu giáo dục và đào tạo là yêu cầu bắt buộc để hoàn thiện khung pháp lý chuyên ngành, bảo đảm thi hành thống nhất, đồng bộ và hiệu quả các quy định hiện hành về dữ liệu. Nghị định này sẽ là công cụ pháp lý làm rõ phạm vi dữ liệu cần quản lý, trách nhiệm của các chủ thể liên quan, quy trình thu thập, chuẩn hóa, lưu trữ, chia sẻ, liên thông và bảo vệ dữ liệu trong toàn ngành giáo dục. Đồng thời, Nghị định cũng đặt nền tảng cho việc triển khai cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo, phục vụ công tác quản lý nhà nước, ra quyết định chính sách, cung cấp dịch vụ công và thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục. Đây là điều kiện cần thiết để hiện thực hóa các nhiệm vụ được giao tại Chiến lược dữ liệu quốc gia, đáp ứng yêu cầu quản lý hiện đại, dựa trên dữ liệu, hướng tới hình thành hệ sinh thái giáo dục số an toàn, mở, tin cậy và lấy người học làm trung tâm.

2.2 Cơ sở yêu cầu thực tiễn

Ngành giáo dục quản lý một khối lượng dữ liệu khổng lồ và đa dạng, liên quan mật thiết đến nhiều lĩnh vực khác. Tuy nhiên, cho đến nay, vẫn chưa có một văn bản dưới luật nào điều chỉnh toàn diện hoạt động này, dẫn đến tình trạng dữ liệu phân tán, thiếu chuẩn hóa và khó khăn trong việc liên thông, chia sẻ.

2.2.1 Về nhận thức, thể chế, môi trường pháp lý

Việc xây dựng Nghị định quy định quản lý dữ liệu giáo dục và đào tạo xuất phát từ yêu cầu thực tiễn trong công tác quản lý nhà nước, chuyển đổi số ngành giáo dục và hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến dữ liệu. Trong thời gian qua, nhiều chủ trương, kế hoạch và văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành nhằm định hướng và thúc đẩy việc xây dựng, vận hành và sử dụng cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Hệ thống pháp luật hiện hành đã có một số quy định liên quan đến thông tin, hồ sơ người học và quản lý dữ liệu giáo dục. Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số

34/2018/QH14 và Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 đều quy định trách nhiệm của cơ sở giáo dục trong việc lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin liên quan đến người học, hồ sơ đào tạo và bảo đảm chất lượng. Tuy nhiên, các quy định này chưa đề cập đầy đủ đến việc xây dựng, quản lý, khai thác dữ liệu theo tiêu chuẩn điện tử, dữ liệu chủ, kết nối liên thông và cơ chế chia sẻ, khai thác dữ liệu theo hướng số hóa toàn diện.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành các văn bản kỹ thuật như Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo; Quyết định số 4998/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 về quy định kỹ thuật dữ liệu của cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo. Tuy nhiên, các văn bản này chủ yếu mang tính hướng dẫn kỹ thuật nội bộ, chưa có giá trị pháp lý đầy đủ để điều chỉnh đồng bộ trên toàn hệ thống.

Trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, Quyết định số 1246/QĐ-BLĐT BXH ngày 09/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội xác định rõ yêu cầu xây dựng cơ sở dữ liệu kết nối đào tạo – việc làm, là tiền đề quan trọng cho việc liên thông dữ liệu toàn hệ thống giáo dục – đào tạo – thị trường lao động. Hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang xây dựng Hồ sơ Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó quy định về việc xây dựng, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo. Việc ban hành Nghị định là bước cần thiết nhằm cụ thể hóa các nội dung tại cấp thực thi.

Bên cạnh đó, Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 và Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15 đã thiết lập các nguyên tắc chung và bắt buộc đối với quản lý dữ liệu trong cơ quan nhà nước. Luật Dữ liệu quy định rõ trách nhiệm của bộ, ngành trong việc xây dựng dữ liệu chủ, bảng mã danh mục dùng chung, áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật, thiết lập cơ chế kết nối, chia sẻ, bảo vệ, giám sát và khai thác dữ liệu. Luật Giao dịch điện tử cũng yêu cầu dữ liệu điện tử phải có tính xác thực, toàn vẹn, giá trị pháp lý tương đương giấy tờ truyền thống nếu được ký số và lưu trữ đúng quy định. Việc ban hành Nghị định sẽ tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, rõ ràng để ngành giáo dục thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật Dữ liệu, Luật Giao dịch điện tử và các văn bản pháp luật có liên quan.

Về mặt tổ chức triển khai, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành nhiều kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể để đẩy mạnh chuyển đổi số và phát triển cơ sở dữ liệu ngành. Bao gồm:

- Quyết định số 4153/QĐ-BGDĐT ngày 25/12/2024 ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số năm 2025;
- Quyết định số 339/QĐ-BGDĐT ngày 07/02/2025 phê duyệt nhiệm vụ triển khai Đề án 06 trong năm 2025;
- Quyết định số 1358/QĐ-BGDĐT ngày 16/5/2025 ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ.

Như vậy, môi trường pháp lý, tổ chức và nhận thức đã hội đủ điều kiện để ban hành Nghị định về quản lý dữ liệu giáo dục và đào tạo. Việc xây dựng Nghị định là bước hoàn thiện thể chế cần thiết, bảo đảm tính thống nhất, pháp lý và hiệu lực trong triển khai chuyển đổi số, xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia và các hệ thống dữ liệu ngành giáo dục.

2.2.2 Về hệ thống cơ sở dữ liệu

Các hệ thống CSDL đã triển khai, vận hành ở Bộ GD&ĐT gồm có:

(1) Cơ sở dữ liệu về Giáo dục Mầm non - Phổ thông - Thường xuyên

- Mô hình dữ liệu: Được xây dựng tuân thủ theo Quyết định số 4998/QĐ-BGD&ĐT ngày 31/12/2021 Quy định kỹ thuật về dữ liệu, đã đáp ứng chuẩn hóa danh mục dữ liệu ngành theo Danh mục dùng chung quốc gia;

- Kết quả thu thập, làm sạch: Tính đến ngày 27/5/2025 (cộng dồn theo các năm), Bộ GD&ĐT đã số hoá được:

- + Khoảng 50.000 cơ sở giáo dục (bao gồm cả các điểm trường);
- + Hơn 27 triệu hồ sơ điện tử học sinh; trên 1,4 triệu hồ sơ điện tử giáo viên;
- + Trên 115.000 hồ sơ điện tử cán bộ quản lý và người lao động;
- + Bộ GD&ĐT đã thực hiện định danh, xác thực, đồng thời làm giàu cho CSDL quốc gia về dân cư khoảng 24,3 triệu hồ sơ điện tử công dân là giáo viên và học sinh.

- Vận hành, khai thác và cập nhật:

+ Phần mềm quản lý CSDL: Đã trang bị các chức năng thống kê, báo cáo phục vụ theo dõi, đôn đốc việc cập nhật dữ liệu theo yêu cầu;

+ Cơ sở dữ liệu được cập nhật liên tục hoặc định kỳ tùy theo loại thông tin, trong đó các thông tin thống kê giáo dục thực hiện định kỳ theo Thông tư 25/2024/TT-BGD&ĐT;

+ Việc tổng hợp dữ liệu sẽ được thực hiện từ các nhà trường tới cấp Phòng GD&ĐT, Cấp Sở GD&ĐT và chuyển lên Bộ GD&ĐT.

- Bảo mật, kết nối mở và phát triển dữ liệu mở:

+ Việc đảm bảo an toàn thông tin: Hệ thống được đảm bảo an toàn thông tin cấp độ 3 theo Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016;

+ Việc kết nối chia sẻ liên thông mở rộng: đã thực hiện kết nối với hệ thống quản lý nhà trường của các cơ sở giáo dục trong cả nước; đã kết nối với CSDL quốc gia về dân cư và CSDL;

+ Việc mở rộng khai thác cho người dân, doanh nghiệp dưới dạng dữ liệu mở: chưa cung cấp.

- Đánh giá: CSDL được xây dựng nhằm phục vụ công tác thống kê và quản lý chuyên môn theo lĩnh vực; dữ liệu chưa đáp ứng về tính pháp lý để có thể

chia sẻ phục vụ giải quyết thủ tục hành chính. Việc thu thập thông tin về CSDL thực hiện định kỳ nên chưa đáp ứng tiêu chí "Sống" của dữ liệu.

(2) Cơ sở dữ liệu về Giáo dục Đại học

- Mô hình dữ liệu: Được xây dựng tuân thủ theo Quyết định số 4998/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 Quy định kỹ thuật về dữ liệu, đã đáp ứng chuẩn hóa danh mục dữ liệu ngành theo Danh mục dùng chung quốc gia;

- Kết quả thu thập, làm sạch: Tính đến ngày 27/5/2025 (cộng dồn theo các năm), Bộ GDĐT đã số hoá được:

+ 470 cơ sở đào tạo đại học (bao gồm cả các Viện nghiên cứu được đào tạo sau đại học);

+ Hơn 177.000 hồ sơ điện tử cán bộ, giảng viên và người lao động (trong đó, hơn 1.200 giáo sư; hơn 9.000 Phó giáo sư;

+ Trên 51.000 Tiến sĩ, trên 87.000 Thạc sĩ và có trên 800 giảng viên là người nước ngoài); hơn 4 triệu hồ sơ điện tử người học (sinh viên, thạc sĩ, tiến sĩ); trên 34.000 thông tin chương trình đào tạo;

+ Hơn 9.000 thông tin ngành đào tạo;

+ Hơn 44.000 thông tin về nhiệm vụ khoa học công nghệ;

+ Trên 117.000 bài báo đã công bố trong nước;

+ Trên 92.000 bài báo đã công bố quốc tế;

+ Hơn 5.000 thông tin về cơ sở vật chất;

+ Thông qua kết nối thử nghiệm năm 2023 với CSDL quốc gia về Bảo hiểm, Bộ GDĐT đã chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu đối với trên 106 nghìn hồ sơ sinh viên đã và sẽ tốt nghiệp năm 2023 và thực hiện đồng bộ dữ liệu về người lao động, việc làm của trên 23 nghìn sinh viên tốt nghiệp năm 2023.

- Vận hành, khai thác và cập nhật:

+ Phần mềm quản lý CSDL: Có các chức năng thể hiện số liệu phân tích dưới dạng biểu đồ; Có trang bị các chức năng thống kê, báo cáo phục vụ theo dõi, đôn đốc việc cập nhật dữ liệu theo yêu cầu;

+ Cơ sở dữ liệu được cập nhật liên tục hoặc định kỳ tùy theo loại thông tin, trong đó các thông tin thống kê giáo dục thực hiện định kỳ theo Thông tư 25/2024/TT-BGDĐT;

+ Việc tổng hợp dữ liệu sẽ được thực hiện từ các cơ sở đào tạo lên Bộ GD&ĐT.

- Bảo mật, kết nối mở và phát triển dữ liệu mở:

+ Việc đảm bảo an toàn thông tin: Hệ thống được đảm bảo an toàn thông tin cấp độ 3 theo Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016;

+ Việc kết nối chia sẻ liên thông mở rộng: chưa kết nối với hệ thống quản lý của các cơ sở đào tạo; đã thử nghiệm kết nối kỹ thuật với CSDL quốc gia về dân cư và CSDL quốc gia về bảo hiểm;

+ Việc mở rộng khai thác cho người dân, doanh nghiệp dưới dạng dữ liệu mở: chưa cung cấp.

- Đánh giá: Việc thu thập dữ liệu còn thực hiện theo hình thức nhập trực tiếp do chưa cung cấp kết nối qua API tới các cơ sở đào tạo đại học; CSDL được xây dựng nhằm phục vụ công tác thống kê và quản lý chuyên môn theo lĩnh vực; dữ liệu chưa đáp ứng về tính pháp lý để có thể chia sẻ phục vụ giải quyết thủ tục hành chính. Việc thu thập thông tin về CSDL thực hiện định kỳ nên chưa đáp ứng tiêu chí "Sống" của dữ liệu.

(3) Các CSDL về giáo dục nghề nghiệp

Gồm các CSDL: Cơ sở dữ liệu cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Cơ sở dữ liệu học sinh, sinh viên giáo dục nghề nghiệp; Cơ sở dữ liệu nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. Bộ GDĐT nhận bàn giao chức năng quản lý nhà nước về GDNN từ tháng 3/2025, các CSDL về GDNN đang trong quá trình xây dựng.

(4) CSDL học bạ số, CSDL văn bằng số

Các CSDL học bạ số, CSDL văn bằng số: đang trong quá trình đầu tư xây dựng, Bộ GDĐT xác định việc triển khai xây dựng CSDL học bạ số, CSDL văn bằng số (có đầy đủ tính pháp lý) là giải pháp quan trọng để thúc đẩy mạnh mẽ nhiệm vụ cải cách hành chính, chuyển đổi số trong ngành giáo dục, thúc đẩy phát triển xã hội số, góp phần triển khai có hiệu quả Đề án số 06/CP của Thủ tướng Chính phủ.

3. Kết quả khảo sát chính

3.1. Đánh giá về thực trạng hệ thống cơ sở dữ liệu và quản lý dữ liệu hiện nay

Kết quả khảo sát cho thấy, mặc dù Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đã triển khai một số hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) lớn, nhưng vẫn còn tồn tại nhiều bất cập:

(1) Tình trạng phân mảnh, thiếu kết nối: Đa số ý kiến cho rằng các hệ thống CSDL hiện nay (như CSDL về Giáo dục Mầm non - Phổ thông, CSDL về Giáo dục Đại học) đang vận hành độc lập, thiếu sự kết nối liên thông với nhau. Điều này gây khó khăn trong việc theo dõi đầy đủ quá trình học tập liên tục của một người học và dẫn đến lãng phí nguồn lực khi dữ liệu bị trùng lặp, không thống nhất;

(2) Chất lượng và tính pháp lý của dữ liệu: Một quan ngại lớn được nhiều người tham gia khảo sát chỉ ra là dữ liệu hiện tại chưa đáp ứng tiêu chí "đúng, đủ, sạch, sống". Việc thu thập dữ liệu chủ yếu vẫn mang tính định kỳ, thủ công, làm cho dữ liệu không phản ánh được thực trạng theo thời gian thực ("sống"). Quan trọng hơn, dữ liệu hiện tại chưa đảm bảo tính pháp lý để có thể tái sử dụng, chia sẻ nhằm giải quyết các thủ tục hành chính cho người dân;

(3) Hạn chế trong việc chia sẻ và khai thác dữ liệu mở: Khảo sát cũng ghi nhận rằng việc khai thác dữ liệu còn hạn chế. Các hệ thống hiện tại chủ yếu phục vụ công tác thống kê và quản lý nội bộ ngành. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống ngoài ngành còn ở giai đoạn thử nghiệm, và chưa có dữ liệu mở được cung cấp cho người dân và doanh nghiệp khai thác;

(4) Các CSDL quan trọng đang trong quá trình xây dựng: Các CSDL có tính pháp lý cao như học bạ số và văn bằng số vẫn đang trong giai đoạn đầu tư, xây dựng. Đây được xem là những thành phần cốt lõi để thúc đẩy cải cách hành chính trong ngành.

3.2. Sự cần thiết phải ban hành một khuôn khổ pháp lý thống nhất

Kết quả khảo sát cho thấy sự đồng thuận rất cao về việc cần phải ban hành một Nghị định của Chính phủ để quản lý dữ liệu về giáo dục và đào tạo, cụ thể:

(1) Hầu hết các ý kiến đều cho rằng, việc ban hành Nghị định là yêu cầu bắt buộc để hoàn thiện khung pháp lý chuyên ngành, tạo ra một công cụ làm rõ trách nhiệm của các bên liên quan và quy định rõ quy trình từ thu thập, chuẩn hóa đến chia sẻ và bảo vệ dữ liệu;

(2) Nhiều người được hỏi nhấn mạnh rằng, một Nghị định được ban hành sẽ tạo cơ sở pháp lý để ngành giáo dục thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ được giao theo Luật Dữ liệu và Luật Giao dịch điện tử, đồng thời làm nền tảng để triển khai Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo một cách hiệu quả.

II. MỨC ĐỘ ỦNG HỘ ĐỐI VỚI CÁC CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT

1. Chính sách 1: Quy định về xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu giáo dục và đào tạo nhằm đáp ứng các quy định của pháp luật về dữ liệu và giao dịch điện tử

1.1 Xác định vấn đề và mục tiêu giải quyết

1.1.1 Vấn đề đặt ra

Hiện nay, trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, dữ liệu đang được thu thập, lưu trữ và khai thác bởi nhiều hệ thống riêng biệt theo từng cấp học, nghiệp vụ và mục tiêu quản lý. Mặc dù Bộ Giáo dục và Đào tạo đã triển khai nhiều hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành (mầm non, phổ thông, tuyển sinh, thi cử...), nhưng các hệ thống này vận hành độc lập, thiếu chuẩn hóa và không kết nối được với nhau. Tình trạng phân mảnh dữ liệu dẫn đến việc:

- Không truy vết được đầy đủ quá trình học tập, chuyển cấp, hoặc liên thông của người học;

- Không đảm bảo tính “đúng, đủ, sạch, sống” của dữ liệu, cản trở quá trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình;

- Dữ liệu chủ chưa được xác lập rõ ràng, nhiều thông tin trùng lặp, sai lệch;

- Thiếu cơ sở để phân tích, dự báo, xây dựng chính sách giáo dục dựa trên dữ liệu.

Hiện nay, dữ liệu giáo dục và đào tạo đang được thu thập, xử lý và lưu trữ qua nhiều hệ thống chuyên ngành theo từng cấp học và mục tiêu nghiệp vụ, song thiếu quy định pháp lý thống nhất điều chỉnh toàn bộ chu trình quản lý dữ liệu trong ngành. Hệ thống dữ liệu chủ – như học bạ điện tử, văn bằng, chứng chỉ, hồ sơ giáo dục – chưa được xác lập đầy đủ và chưa có giá trị sử dụng chính thức. Việc thu thập dữ liệu chủ yếu vẫn dựa vào nhập liệu thủ công, thiếu chứng thực điện tử, dẫn đến sai lệch, trùng lặp, không đảm bảo tính “đúng, đủ, sạch, sống”.

Tình trạng phân mảnh dữ liệu, thiếu chuẩn hóa, không chia sẻ hoặc không kết nối được giữa các hệ thống đang làm giảm hiệu quả đầu tư công, gây khó khăn trong quản lý và cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình cho người học. Quan trọng hơn, nhiều loại dữ liệu chứa thông tin cá nhân nhạy cảm (họ tên, kết quả học tập, hạnh kiểm...) đòi hỏi có hành lang pháp lý phù hợp để quy định chặt chẽ về quy trình kiểm soát truy cập, nhật ký khai thác hay cơ chế xử lý yêu cầu đáp ứng các yêu cầu của Nghị định số 13/2023/NĐ-CP và Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15.

Theo quy định tại Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15, được cụ thể hóa tại Nghị định 165/2025/NĐ-CP, ngành giáo dục có trách nhiệm xây dựng các quy định cụ thể về: xác lập dữ liệu chủ và bảng mã danh mục dùng chung; quy trình xử lý dữ liệu; áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật về định dạng, chất lượng và kết nối dữ liệu; cơ chế kết nối – chia sẻ – giám sát; và cơ chế bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Việc chưa có hành lang pháp lý đầy đủ đang khiến cho các cơ quan quản lý giáo dục ở Trung ương, địa phương và cơ sở giáo dục tự triển khai hệ thống, thu thập, lưu trữ và sử dụng dữ liệu theo cách riêng, tiềm ẩn nguy cơ sai lệch, vi phạm quyền riêng tư và không đảm bảo hiệu quả đầu tư công.

1.1.2 Mục tiêu chính sách

Chính sách nhằm thiết lập một khuôn khổ pháp lý thống nhất, đầy đủ để:

- Quy định rõ nguyên tắc, quy trình và trách nhiệm trong việc xây dựng, phát triển, cập nhật, lưu trữ, bảo vệ, khai thác và sử dụng dữ liệu giáo dục và đào tạo;
- Đảm bảo dữ liệu được quản lý theo vòng đời, gắn với quy trình nghiệp vụ có xác thực pháp lý;
- Thiết lập các chuẩn kỹ thuật, bảo mật và quyền truy cập dữ liệu phù hợp với quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân;
- Hướng đến hình thành một hệ sinh thái dữ liệu tin cậy, làm nền tảng cho chuyển đổi số ngành giáo dục, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, điều hành, thanh tra, kiểm tra, nghiên cứu chính sách và cung cấp dịch vụ công cho người dân.

1.2 Các phương án đề xuất để giải quyết vấn đề

- **Phương án 1:** Không ban hành quy định về xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu giáo dục và đào tạo;

- **Phương án 2:** Ban hành quy định về xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu giáo dục và đào tạo.

1.3 Đánh giá tác động phương án đề xuất

- **Phương án 1:** Không ban hành quy định về xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu giáo dục và đào tạo.

Yếu tố tác động	Tác động tích cực	Tác động tiêu cực
1. Kinh tế – xã hội	- Không xáo trộn tổ chức vận hành các hệ thống hiện tại - Các đơn vị tiếp tục triển khai theo năng lực	- Tiếp tục đầu tư dàn trải, không có chuẩn hóa dẫn đến lãng phí nguồn lực - Dữ liệu không có tính liên kết, tồn tại nhiều trùng lặp, gây khó khăn trong hoạch định chính sách và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn - Chưa đáp ứng dữ liệu đáp ứng "đúng, đủ, sạch, sống" phục vụ giải quyết TTHC cho người dân
2. Kinh tế	- Không phát sinh chi phí lập pháp, đào tạo triển khai trong ngắn hạn	- Tăng chi phí dài hạn do hệ thống chồng chéo, không kết nối - Không tận dụng được tiềm năng khai thác dữ liệu để phát triển học liệu số, dịch vụ công số
3. Hệ thống pháp luật	- Không làm phát sinh nhu cầu sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật liên quan trong ngắn hạn	- Thiếu cơ sở pháp lý để xác lập trách nhiệm quản trị dữ liệu - Chưa cụ thể hóa được quy định của Luật Giao dịch điện tử 2023, Luật Dữ liệu 2024 và Nghị định 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân
4. Yếu tố giới	-Không có tác động về giới	-Không có tác động về giới

1.4. Kiến nghị giải pháp thực hiện

- Đa số người tham gia khảo sát lựa chọn phương án 2: “Ban hành quy định về xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu giáo dục và đào tạo”. Họ cho rằng nếu không ban hành, tình trạng đầu tư dàn trải, lãng phí nguồn lực sẽ tiếp diễn, dữ liệu không có sự liên kết và không thể đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân;

- Thẩm quyền ban hành chính sách: Chính phủ.

2. Chính sách 2: Quy định về xây dựng, cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo phục vụ hoạch định chính sách, đơn giản hóa thủ tục hành chính phát triển nền giáo dục toàn dân

2.1 Xác định vấn đề và mục tiêu giải quyết

2.1.1 Vấn đề đặt ra

Hiện nay, ngành giáo dục đang vận hành nhiều hệ thống cơ sở dữ liệu phân tán theo từng cấp học và lĩnh vực quản lý, như mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, tuyển sinh... Tuy nhiên, các hệ thống này chỉ phục vụ mục tiêu quản lý nội bộ từng phân hệ nghiệp vụ, không hình thành được một cơ sở dữ liệu quốc gia thống nhất, liên thông và xuyên suốt toàn ngành. Điều này khiến dữ liệu bị trùng lặp, thiếu kết nối ngữ nghĩa, không phản ánh đầy đủ vòng đời học tập của người học hoặc quá trình công tác của đội ngũ nhà giáo.

Việc thiếu một cơ sở dữ liệu quốc gia đồng bộ, chính thức dẫn đến nhiều hệ quả: (i) Người dân phải nộp lại nhiều loại giấy tờ đã từng khai báo; (ii) Dữ liệu chưa đảm bảo "đúng, đủ, sạch, sống" nhằm kết nối với các hệ thống quốc gia khác dẫn đến kém hiệu quả trong hỗ trợ hoạch định chính sách vĩ mô hoặc các nhu cầu phân tích, dự báo trong ngành giáo dục – nhân lực; (iii) Các dịch vụ công khó thực hiện vận hành toàn trình do không có “dữ liệu nền” đáng tin cậy để đối chiếu, xác thực.

Cơ sở dữ liệu quốc gia là nơi lưu trữ dữ liệu chủ có giá trị pháp lý chính thức, được sử dụng làm gốc tham chiếu để đồng bộ, kết nối các hệ thống dữ liệu khác của bộ, ngành, địa phương. Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo – nếu không được quy định rõ ràng về phạm vi, trách nhiệm, cơ chế cập nhật, khai thác, bảo mật và chia sẻ – sẽ không thể triển khai đúng quy định. Đồng thời, Nghị định 165/2025/NĐ-CP cũng xác định các cơ sở dữ liệu do các Bộ ngành quản lý phải bảo đảm: có danh mục dữ liệu chủ, có giá trị sử dụng chính thức, được khai thác, sử dụng theo phân quyền, được cập nhật định kỳ và kiểm soát chặt chẽ quá trình truy xuất.

Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào quy định cụ thể về việc xây dựng và vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo, khiến toàn bộ hạ tầng số trong ngành thiếu điểm gốc tập trung. Nếu không ban hành quy định trong Nghị định, sẽ không có căn cứ pháp lý để tổ chức triển khai, không thiết lập được dữ liệu dùng chung, và không đảm bảo tính thống nhất,

minh bạch, hiệu quả trong quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công và phân tích – hoạch định chính sách giáo dục dựa trên dữ liệu.

2.1.2 Mục tiêu chính sách

Việc ban hành quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo nhằm thiết lập một nền tảng dữ liệu tập trung, thống nhất và có giá trị pháp lý chính thức, phục vụ đồng thời các mục tiêu quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công và hoạch định chính sách trên toàn quốc. Cụ thể:

- Thiết lập cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc xây dựng, vận hành và quản trị Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo, bao gồm: phạm vi dữ liệu, danh mục dữ liệu chủ, cơ chế cập nhật, khai thác, bảo vệ, chia sẻ và phân quyền truy cập;

- Bảo đảm đồng bộ, liên thông dữ liệu toàn ngành, kết nối hiệu quả với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác như CSDL dân cư, bảo hiểm xã hội, Kho dữ liệu tổng hợp Quốc gia;

- Làm nền tảng triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, giảm thủ tục, chi phí, thời gian cho người dân và tổ chức; đồng thời hỗ trợ xác thực hồ sơ giáo dục như học bạ, văn bằng, chứng chỉ qua môi trường điện tử, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục và phát triển giáo dục toàn dân;

- Thực hiện đúng quy định tại Luật Dữ liệu, Luật Giao dịch điện tử, bảo đảm rằng Cơ sở dữ liệu quốc gia trong lĩnh vực giáo dục có đầy đủ thành phần, giá trị pháp lý, được sử dụng chính thức, được kiểm soát, cập nhật và chia sẻ theo quy định.

2.2 Các phương án đề xuất để giải quyết vấn đề

- **Phương án 1:** Không ban hành quy định về xây dựng, cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo;

- **Phương án 2:** Ban hành quy định về xây dựng, cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo.

2.3 Đánh giá tác động phương án đề xuất

- **Phương án 1:** Không ban hành quy định về xây dựng, cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo;

Yếu tố tác động	Tác động tích cực	Tác động tiêu cực
1. Kinh tế – xã hội	- Không gây biến động trong ngắn hạn, giữ nguyên hệ thống đang vận hành	- Không hình thành được điểm gốc tích hợp dữ liệu toàn ngành - Khó khăn trong việc xác minh, tái sử dụng dữ liệu pháp lý trong giải quyết thủ tục hành chính

Yếu tố tác động	Tác động tích cực	Tác động tiêu cực
		- Tác động hạn chế đối với đơn giản hóa thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công toàn trình
2. Kinh tế	- Không phát sinh chi phí xây dựng mới hệ thống trong ngắn hạn	- Vẫn phát sinh chi phí đầu tư rời rạc, chồng chéo, không đồng bộ - Tiếp tục tình trạng phân mảnh dữ liệu, thiếu liên kết ngữ nghĩa - Việc không có CSDL chủ tham chiếu dẫn đến lãng phí nguồn lực công và chi phí xã hội lâu dài
3. Hệ thống pháp luật	- Không đặt ra áp lực sửa đổi văn bản hiện hành ngay tức thì	- Chưa đáp ứng các yêu cầu của Luật Dữ liệu 60/2024/QH15 về quản trị, quản lý dữ liệu số - Không có cơ sở pháp lý để kiểm soát, chia sẻ, cập nhật dữ liệu toàn ngành
4. Yếu tố giới	- Không có tác động về giới	- Không có tác động về giới

- **Phương án 2:** Ban hành quy định về xây dựng, cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo.

Yếu tố tác động	Tác động tích cực	Tác động tiêu cực
1. Kinh tế – xã hội	- Hình thành CSDL chủ dùng chung, thống nhất, là gốc tham chiếu của các CSDL chuyên ngành - Góp phần đảm bảo tính "đúng, đủ, sạch, sống" cho hệ thống dữ liệu của ngành GDĐT	- Yêu cầu rà soát, chuẩn hóa, hoàn thiện các hệ thống hiện nay

Yếu tố tác động	Tác động tích cực	Tác động tiêu cực
	- Nâng cao năng lực phân tích, hoạch định chính sách giáo dục	
2. Kinh tế	- Giảm chi phí lặp lại trong vận hành hành chính - Làm nền tảng phát triển kinh tế dữ liệu giáo dục, dịch vụ số liên quan	- Tăng chi phí đầu tư ban đầu (hạ tầng kỹ thuật, tích hợp hệ thống, đào tạo nhân lực quản trị dữ liệu) - Tăng chi phí đầu tư phục vụ nâng cấp, chuẩn hóa, hoàn thiện các hệ thống hiện có
3. Hệ thống pháp luật	- Thực thi đúng quy định của Luật Dữ liệu và Luật Giao dịch điện tử - Làm rõ trách nhiệm pháp lý về dữ liệu toàn ngành	- Phát sinh nhu cầu rà soát, sửa đổi các văn bản liên quan (thủ tục hành chính, cấp văn bằng, hồ sơ học sinh)
4. Yếu tố giới	- Không có tác động về giới	Không có tác động về giới

2.4 Kiến nghị giải pháp thực hiện

- Phương án 2 “Ban hành Quy định về xây dựng, cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo” cũng nhận được sự ủng hộ rộng rãi. Những người được khảo sát tin rằng, việc này sẽ hình thành một "điểm gốc" dữ liệu chủ dùng chung, thống nhất toàn ngành, đồng thời kỳ vọng CSDL quốc gia sẽ nâng cao năng lực phân tích, hoạch định chính sách, và là nền tảng để đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí cho xã hội. Mặc dù có thể phát sinh chi phí đầu tư ban đầu, nhưng lợi ích lâu dài về kinh tế và xã hội được đánh giá là vượt trội;

- Thẩm quyền ban hành chính sách: Chính phủ.

III. Kết luận và Kiến nghị

Kết quả khảo sát đã phản ánh một cách rõ ràng thực trạng phân mảnh, thiếu chuẩn hóa và hành lang pháp lý trong công tác quản lý dữ liệu về giáo dục và đào tạo hiện nay. Đồng thời, khảo sát cũng cho thấy sự đồng thuận và kỳ vọng lớn của các nhà quản lý, chuyên gia trong ngành về việc cần sớm ban hành một Nghị định toàn diện để giải quyết các vấn đề này.

Dựa trên kết quả khảo sát, **kiến nghị** Chính phủ xem xét, ban hành **Nghị định quy định quản lý dữ liệu giáo dục và đào tạo**, trong đó tập trung vào hai nhóm chính sách chính đã nhận được sự ủng hộ cao: (1) Ban hành quy định về xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu giáo dục và đào tạo và (2) Ban hành Quy định xây dựng, cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo. Đây là bước đi cần thiết để thúc đẩy chuyển đổi số thành công, an toàn và hiệu quả trong toàn ngành giáo dục.

Trên đây là báo cáo khảo sát về thực trạng và nhu cầu xây dựng, hoàn thiện Nghị định quy định quản lý dữ liệu giáo dục và đào tạo./.
